

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Ea Kar**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật dược;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BYT ngày 30/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục thuốc thiết yếu;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục thuốc đấu thầu, Danh mục thuốc đấu thầu tập trung, Danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế thuộc UBND tỉnh, thành*

phổ trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Báo cáo số 479/BC-SYT ngày 10/11/2023 của Sở Y tế Báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Ea Kar;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm y tế huyện Ea Kar tại Tờ trình số 120/TTr-TTYT ngày 07/11/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền) năm 2023 thuộc danh mục thuốc đấu thầu, Dự án: Mua thuốc phục vụ khám, chữa bệnh của Trung tâm Y tế huyện Ea Kar, với số tiền **4.630.315.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi triệu, ba trăm mười lăm ngàn đồng chẵn), chi tiết như Phụ lục I, II kèm theo.

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Giao Trung tâm Y tế huyện Ea Kar (Bên mời thầu) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý, tiêu chí kỹ thuật và giá mặt hàng thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

2. Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ea Kar chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các hồ sơ có liên quan, danh mục, số lượng, đơn giá mua sắm thuốc và hình thức lựa chọn nhà thầu tại Điều 1 Quyết định này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Y tế chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát Trung tâm Y tế huyện Ea Kar thực hiện việc mua thuốc theo đúng các tiêu chí kỹ thuật, danh mục được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Ea Kar; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. /

Nơi nhận: *Tu*

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, KT (XTn 07b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*M*  
**Nguyễn Thiên Văn**

Phụ lục I

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN) NĂM 2023 THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA KAR**

(Kèm theo Quyết định số **2429** /QĐ-UBND ngày **15** / **11** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên Gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức/ phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng	Tổ chức, cá nhân giám sát
1	Mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền)	<b>4.630.315.000</b>	Nguồn thu viện phí, Bảo hiểm Y tế, nguồn thu dịch vụ	Đấu thầu rộng rãi Qua mạng/ Một giai đoạn, một túi hồ sơ	Quý IV năm 2023	Trọn gói	12 tháng	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	<b>Tổng giá trị gói thầu</b>	<b>4.630.315.000 đồng</b> (Bốn tỷ sáu trăm ba mươi triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng chẵn)						

## Phụ lục II

**DANH MỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GÓI THẦU: MUA THUỐC DƯỢC LIỆU, THUỐC CÓ THÀNH PHẦN DƯỢC LIỆU PHỐI HỢP VỚI DƯỢC CHẤT HÓA DƯỢC, THUỐC CỔ TRUYỀN (KHÔNG BAO GỒM VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN) NĂM 2023 THUỘC DANH MỤC THUỐC ĐẦU THẦU, DỰ ÁN: MUA THUỐC PHỤC VỤ KHÁM, CHỮA BỆNH CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN EA KAR**

(Kèm theo Quyết định số **2429** /QĐ-UBND ngày **15** /**11** /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
1	Hoắc hương/ Quàng hoắc hương, Tía tô/ Tử tô diệp, Bạch chi, Bạch linh/Phục linh, Đại phúc bì, Thương truật, Hậu phác, Trần bì, Cam thảo, Bán hạ/ Bán hạ chế, (Cát cánh, Can khương).	N3		Uống	Viên	Viên	20.000	1.280	25.600.000
2	Bạch truật, Ý dĩ, Cam thảo, Mạch nha, Liên nhục, Sơn tra, Đẳng sâm, Thần khúc, Phục linh, Phần hoa, Hoài Sơn, Cao xương hỗn hợp.	N3	100ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.300	50.000	65.000.000
3	Diệp hạ châu, Bồ bồ, (Chi tử), (Rau má).	N3		Uống	Viên	Viên	120.000	605	72.600.000
4	Diệp hạ châu, Hoàng bá, Mộc hương, Quế nhục, Tam thất.	N3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.680	50.400.000
5	Diệp hạ châu, Tam thất, Kim ngân hoa, Cam thảo, Thảo quyết minh, Cúc hoa.	N3	10g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi	70.000	4.620	323.400.000
6	Kim tiền thảo, trạch tả	N3	5g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	20.000	4.500	90.000.000
7	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng, (Nghệ).	N3		Uống	Viên	Viên	50.000	810	40.500.000

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
8	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa.	N3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	2.050	61.500.000
9	Kim tiền thảo, (Râu mèo), (Râu ngô).	N3	220mg	Uống	Viên nang	Viên	100.000	1.350	135.000.000
10	Lá lốt, Hy thiêm, Nguưu tất, Thổ phục linh.	N3		Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.100	105.000.000
11	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng liên, Cam thảo, Bạch linh, Đảng sâm, Thân khúc, Trần bì, Sa nhân, Mạch nha, Sơn tra, Hoài sơn/Sơn dược, Nhục đậu khấu.	N3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	1.630	48.900.000
12	Mã tiền chế, Đương quy, Đỗ trọng, Nguưu tất, Quế Chi, Độc hoạt, Thương truật, Thổ phục linh.	N3		Uống	Viên nang	Viên	80.000	1.450	116.000.000
13	Húng chanh; Núc nác; Cineol	N4	90ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	3.000	35.630	106.890.000
14	Tục đoạn, Phòng phong, Hy thiêm, Độc hoạt, Tần giao, Bạch thược, Đương quy, Xuyên khung, Thiên niên kiện, Nguưu tất, Hoàng kỳ, Đỗ trọng, (Mã tiền chế).	N3		Uống	Viên nang	Viên	40.000	2.982	119.280.000
15	Tần giao, Đỗ trọng, Nguưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thược, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện.	N3	5g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	70.000	4.900	343.000.000
16	Bạch truật, Mộc hương, Hoàng đằng, Hoài sơn/Sơn Dược, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thược, Cam thảo, Đảng sâm.	N3	4g	Uống	Viên hoàn cứng	Gói/túi	20.000	3.900	78.000.000
17	Mộc hương, Hoàng liên/Berberin, (Xích thược/Bạch thược), (Ngô thù du).	N3		Uống	Viên	Viên	30.000	890	26.700.000
18	Đảng sâm Bạch linh, Bạch truật, viễn chí, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Cam thảo, Long nhãn, Đương quy, Mộc hương, Đại táo	N3		Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	1.000	37.980	37.980.000



TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
19	Nhân sâm, Nhung hươu, (Cao Ban long).	N3		Uống	Viên nang	Viên	15.000	4.000	60.000.000
20	Đinh lăng, Bạch quả, Cao Đậu tương lên men	N3		Uống	Viên nang	Viên	150.000	2.916	437.400.000
21	Đương quy, Bạch quả/Ginkgo biloba.	N3		Uống	Viên nang	Viên	150.000	1.450	217.500.000
22	Thỏ ty tử, Hà thủ ô đỏ, Dây đau xương, Cốt toái bổ, Đỗ trọng, Cúc bắt tử, nấm sò khô	N3		Uống	Viên nang	Viên	50.000	2.500	125.000.000
23	Lá sen, Lá vông/Vông nem. Lạc tiên, (Tâm sen). (Bình vôi), (Trinh nữ).	N3		Uống	Viên	Viên	60.000	940	56.400.000
24	Bách bộ	N3	90ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	3.500	26.940	94.290.000
25	Bột bèo hoa dâu	N3		Uống	Viên nang	Viên	25.000	2.100	52.500.000
26	Hà thủ ô đỏ, Đàng sâm, Sơn thù, Mạch môn, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo, Ngũ vị tử, Đương quy, Mẫu đơn bì.	N3	10g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói/túi	50.000	3.780	189.000.000
27	Hoàng kỳ, Đương quy, Kỳ tử.	N3		Uống	Viên	Viên	25.000	1.190	29.750.000
28	Tỳ bà diệp, Cát cánh, Bách bộ, Tiên hồ, Tang bạch bì, Thiên môn, Phục linh/Bạch linh, Cam thảo, Hoàng cầm, Cineol, Menthol.	N4	90ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	7.000	23.100	161.700.000
29	Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).	N3		Uống	Viên	Viên	500.000	790	395.000.000
30	Hoàng kỳ, Đào nhân, Hồng hoa, Địa long, Nhân sâm, Xuyên khung, Đương quy, Xích thược, Bạch thược.	N3		Uống	Viên	Viên	30.000	1.050	31.500.000
31	Ngưu tất, Nghệ, Hoa hòe, (Bạch truật).	N3		Uống	Viên nang	Viên	55.000	903	49.665.000
32	Phòng phong, Hòe giác, Đương quy, Địa du, Chi xác, Hoàng cầm.	N3		Uống	Viên nang	Viên	10.000	4.900	49.000.000

TT	Tên thành phần của thuốc	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VND)	Thành tiền (VND)
33	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chỉ, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà.	N3		Uống	Viên nang	Viên	40.000	800	32.000.000
34	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì/Ngũ gia bì chân chim, (Tam Thất).	N3		Uống	Viên nang	Viên	72.000	840	60.480.000
35	Lá xoài	N3	60ml	Dùng Ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	1.000	31.000	31.000.000
36	Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Nguru tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chỉ, Tục đoạn, Bồ cốt chi.	N3		Uống	Viên nang	Viên	200.000	2.100	420.000.000
37	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	N3	4.5g	Uống	Viên hoàn mềm	Viên	35.000	3.000	105.000.000
38	Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.	N3	8ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/lọ/ống/gói/túi	20.000	4.494	89.880.000
39	Hà thủ ô đỏ/Nguru tất, Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Bạch thược/Xích thược), (Hồng hoa), (Đan sâm).	N3		Uống	Viên nang	Viên	30.000	3.250	97.500.000
<b>Tổng cộng: 39 mặt hàng</b>									<b>4.630.315.000</b>